

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 28/3/2025
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Lương Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng N – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2024/TLST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Viên Thị T**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: số B, đường Q, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Danh P**, sinh năm 1990 (có mặt) và bà **Lê Thị Mỹ D**, sinh năm 1989 (có mặt).

Cùng cư trú tại địa chỉ: số B, đường Q, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư **Đào Thị H**, sinh năm 1982 – Văn phòng L2 – Đoàn Luật sư tỉnh K (có mặt).

4. *Người làm chứng:* Bà Thị Hoàng O, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: số B, đường Q, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2023 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Viên Thị T trình bày:

Nguyên vào năm 2021, bà có chuyển nhượng căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số B, đường Q, phường V, thành phố R với giá 3,8 tỷ đồng, sau đó bà chia đều cho 04 người con, mỗi người 650.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền thì Danh P (là con trai út) đã bàn với bà: hai mẹ con hùn chung tiền mua nhà để ông P cùng vợ là Lê Thị Mỹ D ở chung với bà và phụng dưỡng bà tuổi già. Bà nghe vậy rất mừng vì thấy con mình hiếu thảo, biết lo cho mẹ, tự nguyện phụng dưỡng mẹ nên bà không suy nghĩ nhiều và đồng ý ngay. Vài ngày sau, ông P báo cho bà hay có căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số B, đường Q, phường V, thành phố R kêu bán với giá 800.000.000 đồng, bà đồng ý cùng ông P mua căn nhà trên, hai mẹ con hùn tiền mỗi người 400.000.000 đồng, sau đó bà đưa thêm cho ông P 50.000.000 đồng để sửa lại nhà và cùng vợ chồng ông P dọn vào ở. Do bà đã lớn tuổi nên để cho ông P đứng tên tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 480528, do Ủy ban nhân dân thành phố R cấp ngày 23/12/2015, điều chỉnh biến động sang tên Danh Phong ngày 08/6/2021.

Đến giữa năm 2022, Ông P và bà D đối xử tệ bạc với bà, bà D thường xuyên gây sự rồi chửi rủa, xúc phạm bà. Bà không chịu nổi nên thường xuyên đau buồn, sinh bệnh, phải đi mua căn nhà tạm gần đó để ở nhưng bà vẫn bị vợ chồng ông P chửi bới, thách thức, do vậy bà phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Ngày 13/12/2023, bà và vợ chồng ông P, bà D cùng tham gia hòa giải tại trụ sở khu phố V, tại phiên hòa giải, ông P thừa nhận đã nhận tiền hùn 450.000.000 đồng của bà nhưng lại không chịu ký tên vào biên bản.

Bà đã lớn tuổi, không còn tài sản và cũng không có sức khỏe để lao động, trong người đang mang rất nhiều chứng bệnh, đi lại gặp nhiều khó khăn. Do vậy, bà cần lấy lại số tiền đã hùn mua nhà và sửa nhà để có chi phí tự chăm sóc bản thân và điều trị bệnh. Bà xác định chỉ yêu cầu ông P trả lại số tiền hùn mua nhà, bà không tranh chấp đối với tài sản là căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số B, đường Q, phường V, thành phố R.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Danh P và bà Lê Thị Mỹ D trả lại cho bà một lần số tiền hùn mua nhà và sửa chữa nhà tổng cộng 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng), ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Danh P trình bày: Cha ông là ông Danh M cùng mẹ ông là bà Viên Thị T có tạo lập được tài sản là căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số B, đường Q, phường V, thành phố R. Ông M và bà T có tổng cộng 04 người con bao gồm: Thị Hoàng O, Danh C, Danh Thị L và ông là Danh P. Cha ông qua đời, không lập di chúc để lại phần di sản đó cho bất kỳ ai, do đó mẹ ông là

bà T cùng các con trong gia đình họp gia tộc và thống nhất bán căn nhà và đất tại địa chỉ trên với giá là 3,8 tỷ rồi phân chia tiền cho bà T và các con. Trong đó Thị Hoàng O được chia 650.000.000 đồng, Danh C được chia 650.000.000 đồng, Danh Thị L được chia 650.000.000 đồng, ông được chia 650.000.000 đồng, số tiền 1,2 tỷ đồng còn lại bà T được hưởng.

Đến năm 2021, bà T cho ông thêm 150.000.000 đồng để ông mua căn nhà tọa lạc tại địa chỉ số B, đường Q, phường V, thành phố R với giá 800.000.000 đồng, đến ngày 08/6/2021 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R chứng nhận biến động sang tên cho ông đối với phần đất tại địa chỉ trên. Sau khi nhận nhà, ông có sửa chữa lại, lúc đó bà T có cho ông thêm 50.000.000 đồng để làm chi phí sửa chữa.

Ông xác định bà T có cho ông thêm tổng cộng 200.000.000 đồng để mua nhà và sửa chữa nhà, chứ không có sự việc hùn số tiền 450.000.000 đồng như bà T trình bày, do đó ông không đồng ý trả cho bà T số tiền này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Lê Thị Mỹ D thống nhất theo lời trình bày cũng như ý kiến của ông Danh P.

- Tại biên bản xác minh lập ngày 09/10/2024, ông Nguyễn Ngọc H1 cung cấp nội dung sự việc như sau: Căn cứ theo đơn yêu cầu giải quyết của bà Viên Thị T, tổ hòa giải của khu phố V, phường V đã tiến hành tổ chức hòa giải vào ngày 13/12/2023. Thành phần tổ chức hòa giải bao gồm ông (tổ trưởng), Nguyễn Xuân L1 (tổ viên), Huỳnh Bảo C1 (tổ viên) và Nguyễn Thị Hồng T1 (tổ viên), lúc đó có mặt bà Viên Thị T, vợ chồng ông Danh P, bà Lê Thị Mỹ D. Tại phiên hòa giải, bà Viên Thị T cho rằng sau khi chồng bà là ông Danh M qua đời thì bà và 04 người con trong gia đình thỏa thuận bán căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số B, đường Q, phường V, thành phố R, sau khi bán được nhà, bà T đã lấy tiền chia đều cho các con, sau đó bà T thỏa thuận với con trai là Danh P về việc bà hùn 400.000.000 đồng để mua căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số B, đường Q, phường V, thành phố R; trong thời gian ở chung với vợ chồng ông P và bà D thì bà T còn hùn thêm 50.000.000 đồng để sửa chữa lại căn nhà tại địa chỉ trên, do ở chung không thuận thảo nên bà T yêu cầu vợ chồng ông P, bà D trả lại cho bà số tiền 450.000.000 đồng để bà có tiền chăm sóc cho bản thân. Quá trình hòa giải, ông P thống nhất theo nội dung đơn của bà T, cụ thể là thừa nhận sự việc bà T có hùn tiền mua nhà và sửa chữa nhà tổng cộng 450.000.000 đồng, tuy nhiên ông P không đồng ý trả lại số tiền trên cho bà T và không chịu ký tên vào biên bản hòa giải. Nay ông H1 cung cấp nội dung sự việc như trên để Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tại đơn trình bày sự việc lập ngày 25/10/2024 cũng như tại phiên tòa, bà Thị Hoàng O cung cấp nội dung sự việc như sau: Bà là con của bà Viên Thị Tuyết . Vào năm 2021, mẹ bà có chuyển nhượng căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số B, đường Q, phường V, thành phố R với giá 3,8 tỷ đồng sau đó chia đều cho các con gồm Thị Hoàng O, Danh C, Danh Thị L và Danh P, mỗi người được nhận 650.000.000 đồng. Số tiền này, chị em bà dùng để mua nhà, trả nợ và lo cho con cái vì mỗi người đều đã có gia đình riêng. Sau đó Danh P là con trai út có bàn với bà T là đang muốn mua căn nhà gần nhà cũ với giá 800.000.000 đồng nhưng không đủ tiền nên muốn bà T hùn tiền cùng mua rồi qua ở với vợ chồng ông P để ông P được phụng dưỡng tuổi già, bà T cũng đồng ý hùn phân nửa là 400.000.000 đồng để ông P mua nhà. Sau khi mua được căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số B, đường Q, phường V, thành phố R thì ông P nói cần tiền sửa lại nhà nên bà T đưa thêm cho ông P 50.000.000 đồng để sửa nhà. Lúc bà T giao tiền cho ông P tại nhà cũ địa chỉ số B, đường Q, phường V, thành phố R thì bà T có nhờ bà cùng đếm rồi đưa tiền cho ông P nhận đủ 450.000.000 đồng. Sau khi bà T ở với vợ chồng ông P một thời gian thì bị đối xử tệ bạc, nhất là vợ ông P thường xuyên gây sự chửi bới và xúc phạm nên bà T buồn rầu, sanh nhiều bệnh tật, phải đi mua căn nhà gần đó để ở. Nhưng đến nay, bà T vẫn tiếp tục bị vợ chồng ông P, bà D qua quấy phá, chửi rủa lúc đêm khuya.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư Đào Thị H trình bày ý kiến đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 207, Điều 208, Điều 209, khoản 1 và khoản 3 Điều 218, Điều 219 của Bộ luật dân sự, Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình, buộc vợ chồng ông Danh P và bà Lê Thị Mỹ D cùng liên đới chịu trách nhiệm trả lại cho bà Viên Thị T số tiền hùn tiền mua nhà và sửa chữa nhà tổng cộng là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Các đương sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự

2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Ông P và bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – bà Viên Thị T yêu cầu bị đơn – ông Danh P và bà Lê Thị Mỹ D trả lại cho bà số tiền hùn mua nhà và sửa chữa nhà tổng cộng 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp đòi tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu trả lại số tiền hùn mua nhà và sửa chữa nhà của nguyên đơn kèm theo tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án là biên bản hòa giải tại khu phố V, phường V ngày 13/12/2023 (bản gốc) thể hiện những nội dung chính sau: “Bà T yêu cầu ông P và bà D trả lại cho bà số tiền hùn mua nhà 400.000.000 đồng và sửa chữa nhà 50.000.000 đồng, tổng cộng 450.000.000 đồng; ông P thừa nhận bà T có hùn số tiền trên nhưng không đồng ý trả cũng như không đồng ý ký tên vào biên bản hòa giải”. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – ông Danh P xác định bà T có cho ông thêm tổng cộng 200.000.000 đồng để mua nhà và sửa chữa nhà, chứ không có sự việc hùn số tiền 450.000.000 đồng như bà T trình bày, do đó ông không đồng ý trả cho bà T số tiền này. Tòa án đã trực tiếp tiến hành xác minh thông tin và được ông Nguyễn Ngọc H1 cung cấp nội dung sự việc thành viên tổ hòa giải của khu phố V, phường V có trực tiếp chứng kiến việc ông P thừa nhận bà T có hùn tiền mua nhà và sửa chữa nhà tổng cộng 450.000.000 đồng đúng như bà T trình bày, tuy nhiên ông P không đồng ý trả cũng như không đồng ý ký tên vào biên bản hòa giải; đồng thời, tại phiên tòa, người làm chứng – T xác định bà T có thỏa thuận với ông P về việc hùn tiền mua nhà và sửa chữa nhà, bà T có nhờ bà cùng đếm rồi đưa tiền cho ông P nhận đủ 450.000.000 đồng. Như vậy đủ cơ sở để chứng minh việc thỏa thuận hùn tiền mua nhà và sửa

chữa nhà là có thật, mục đích bà T hùn tiền là để có nơi ở và được vợ chồng ông P, bà D phụng dưỡng khi tuổi già, tuy nhiên trong quá trình sống chung thì giữa bà T và vợ chồng ông P, bà D xảy ra mâu thuẫn nên bà T phải ra riêng sinh sống từ giữa năm 2022 cho đến nay, bà D cho rằng hoàn toàn không biết là có hay không việc thỏa thuận hùn tiền mua nhà và sửa chữa nhà, bà D chỉ nghe ông P nói là bà T có cho 150.000.000 đồng để mua nhà, tuy nhiên việc ông P nhận tiền rồi sau đó nhận chuyển nhượng căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số B, đường Q thì bà D đều biết và không có động thái nào phản đối các giao dịch trên, mặt khác, bà D cũng đang sinh sống tại căn nhà này từ khi mới bắt đầu dọn vô ở từ tháng 4/2021 cho đến nay, tại phiên tòa ông P và bà D đều xác định căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số B, đường Q là tài sản chung của vợ chồng, bà D đã thụ hưởng chung thì phải có nghĩa vụ liên đới, vì vậy việc bà T yêu cầu vợ chồng ông P, bà D trả lại số tiền hùn vốn nêu trên là có cơ sở để chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc vợ chồng ông P và bà D cùng liên đới chịu trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền hùn tiền mua nhà và sửa chữa nhà tổng cộng là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

[2] Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – ông Danh P và bà Lê Thị Mỹ D phải chịu án phí là: 20.000.000 đồng + 50.000.000 đồng x 4% = 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Viên Thị T về việc “Tranh chấp đòi tài sản” đối với bị đơn – ông Danh P và bà Lê Thị Mỹ D.

2. Buộc bị đơn – ông Danh P và bà Lê Thị Mỹ D cùng liên đới chịu trách nhiệm trả lại cho bà Viên Thị T số tiền hùn tiền mua nhà và sửa chữa nhà tổng cộng là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – ông Danh P và bà Lê Thị Mỹ D phải chịu án phí là: 20.000.000 đồng + 50.000.000 đồng x 4% = 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R;
- Chi cục THA dân sự TP. R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Đức Luân